

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2019/DS-ST**

Ngày 05/11/2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Ứng Cường**
 2. Ông **Danh Minh Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lâm Sễn**- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường T - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đ – Đoàn Luật T (Có mặt)

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019 và bản tự khai ngày 07/8/2019 nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Vào ngày 10/4/2019 âm lịch, chị có cho bà Phạm Thị T vay số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), bà Phạm Thị T có hứa khi nào chị cần xài đến số tiền trên thì bà T sẽ hoàn trả lại cho chị. Trước đó chị và bà T đã gặp nhau để thương lượng để lấy lại số tiền này và bà T hứa trả nhưng vẫn không thực hiện.

Nay Chị yêu cầu bà Phạm Thị T trả số tiền là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) trong thời gian sớm nhất và trả một lần. Chị tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 170.000.000đ và tự nguyện không yêu cầu chồng, các con bà T có trách nhiệm liên đới trả số tiền nêu trên. Trong quá trình vay số tiền trên thì bà T không có trả tiền lãi cho chị như bà T trình bày.

Tại bản tự khai ngày 03/10/2019 và biên bản hòa giải ngày 04/10/2019 bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Vào khoảng tháng 4 năm 2019 âm lịch bà có vay số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) của chị Trần Thị H và bà có ký biên nhận nợ với chị H. Khi vay tiền và ký vào biên bản thì chỉ có bà và chị H, ngoài ra không có ai chứng kiến. Nay chị H khởi kiện yêu cầu bà trả tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) thì bà thừa nhận còn nợ số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và đồng ý trả số tiền này cho chị H nhưng hiện tại hoàn cảnh bà rất khó khăn, đang bệnh tật, không lao động được nên không có khả năng trả số tiền trên trong một lần cho chị H, do đó bà xin trả mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ cho chị H và trả dần cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đối với hợp đồng vay tài sản giữa chị Trần Thị H và bà Phạm Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, chị H đã giao đủ số tiền 170.000.000đ cho bà T nhưng sau đó bà T không trả nợ đúng như thỏa thuận, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị T trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 170.000.000 đồng trả một lần kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng pháp luật, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H đối với bị đơn bà Phạm Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị T phải trả số tiền vay gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định: Giữa nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn bà Phạm Thị T có xác lập hợp đồng dân sự vay tài sản với nhau. Theo đó, vào khoảng tháng 4 năm 2019 (âm lịch) bà T có

vay của chị H số tiền là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay các bên thỏa thuận khi nào chị H cần thì bà Thủy sẽ trả ngay. Nhưng sau khi chị H yêu cầu trả nợ thì bà T không thực hiện, từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn bà Phạm Thị T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên sau khi vay khoảng 02 tháng chị H đã đòi lại số tiền 170.000.000đ nhưng bị đơn bà T không trả được, từ đó cho thấy bà T đã vi phạm thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T thừa nhận còn nợ chị H số tiền trên và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng chị H không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T xin trả dần số tiền trên sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; do đó chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả một lần số tiền 170.000.000đ là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự.

[3] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải chịu án phí với số tiền là 8.500.000 đồng, nguyên đơn chị Trần Thị H không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 12, Điều 14 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bà Phạm Thị T.

Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho chị Trần Thị H số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T phải nộp 8.500.000 đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà T là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và bà T có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên được chấp nhận miễn toàn bộ số tiền án phí là 8.500.000 đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chị Trần Thị H không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho chị H 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005054 ngày 24/7/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Huỳnh Ánh Tuyết